

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết chiều rộng của tỉnh/ thành phố nào sau đây chưa đầy 50 km?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Ngãi. C. Quảng Bình. D. Quảng Trị.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết cao nguyên có độ cao cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. Mơ Nông. B. Kon Tum. C. Lâm Viên. D. Đắc Lắc.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Nậm Cắn. B. Móng Cái. C. Lệ Thanh. D. Tịnh Biên.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào dưới đây nằm trong miền khí hậu phía Bắc?

- A. Vùng khí hậu Tây Nguyên. B. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
C. Vùng khí hậu Nam Bộ. D. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết Đông Nam Bộ **không có** trung tâm công nghiệp nào sau đây?

- A. Vũng Tàu. B. Biên Hòa. C. Tân An. D. Thủ Dầu Một.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Nghi Sơn B. Đình Vũ - Cát Hải. C. Vân Đồn D. Vũng Áng.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô trên 100 nghìn tỉ đồng?

- A. Nha Trang. B. Hải Phòng. C. Thành phố Hồ Chí Minh. D. Đà Nẵng.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi nằm trên sông nào?

- A. Sông Trà Khúc. B. Sông La Ngà. C. Sông Đồng Nai. D. Sông Đà Rằng.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Bé thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Mê Công. B. Lưu vực sông Đồng Nai.
C. Lưu vực sông Thu Bồn. D. Lưu vực sông (Đà Rằng).

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết cảng biển Cửa Lò và Thuận An thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An, Thừa Thiên Huế. B. Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế.
C. Nghệ An, Quảng Bình. D. Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số trên 1 000 000 người?

- A. Biên Hòa B. Đà Nẵng. C. Hải Phòng. D. Cần Thơ.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh/thành nào sau đây có sản lượng lúa

lớn nhất?

- A. Bạc Liêu. B. An Giang. C. Sóc Trăng. D. Cần Thơ.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành công nghiệp điện tử, sản xuất ô tô?

- A. TP.Hồ Chí Minh. B. Cần Thơ. C. Đà Nẵng. D. Hải phòng.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực- thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?

- A. Tây Ninh. B. Biên Hòa. C. Vũng Tàu. D. Tp.Hồ Chí Minh.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Cố đô Huế. B. Thánh địa Mỹ Sơn. C. Phố cổ Hội An. D. Phong Nha – Kẻ Bàng.

Câu 16: Lũ quét thường xảy ra ở những khu vực địa hình nào của nước ta?

- A. Vùng đồng bằng châu thổ. B. Lưu vực sông suối miền núi.
C. Hạ lưu các cửa sông. D. Đồng bằng ven biển.

Câu 17: Trong cơ cấu ngành kinh tế ở Đông Nam Bộ, ngành chiếm tỉ trọng cao nhất là

- A. dịch vụ. B. nông nghiệp. C. thủy sản. D. công nghiệp.

Câu 18: Biện pháp nào sau đây để bảo vệ hợp lí tài nguyên đất ở miền núi nước ta?

- A. Tăng cường bón phân, cải tạo thích hợp theo từng loại đất.
B. Áp dụng các biện pháp thủy lợi, canh tác nông - lâm.
C. Đẩy mạnh thâm canh, bảo vệ vốn rừng.
D. Nâng cao hiệu quả sử dụng, có chế độ canh tác hợp lí.

Câu 19: Trong cơ cấu sản lượng điện nước ta, tỉ trọng lớn nhất thuộc về:

- A. nhiệt điện, điện gió. B. thủy điện, điện gió.
C. nhiệt điện, thủy điện. D. thủy điện, năng lượng Mặt Trời.

Câu 20: Khu vực có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước ta là:

- A. Đồng bằng Sông Cửu long. B. Đồng bằng Sông Hồng và vùng phụ cận.
C. Duyên hải Miền Trung D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 21: Ở nước ta, việc làm đang là vấn đề xã hội gay gắt vì

- A. số lượng lao động cần giải quyết việc làm hằng năm cao hơn số việc làm mới.
B. tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm trên cả nước còn rất lớn.
C. nước ta có nguồn lao động dồi dào trong khi nền kinh tế còn chậm phát triển.
D. nước ta có nguồn lao động dồi dào trong khi chất lượng lao động chưa cao.

Câu 22: Ngành vận tải đường sông nước ta có hạn chế nào về mặt tự nhiên?

- A. Lượng hàng hóa và hành khách vận chuyển ít, phân tán.
B. Sông ngòi miền núi có nhiều ghềnh thác, độ dốc lớn.
C. Phù sa bồi tụ làm thay đổi thất thường về độ sâu luồng lạch.
D. Phát triển mạnh nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây **không đúng** với cây công nghiệp ở nước ta?

- A. Chủ yếu là cây công nghiệp nhiệt đới. B. Có rất nhiều cây có nguồn gốc ôn đới.
C. Có một số cây có nguồn gốc cận nhiệt. D. Có nhiều loại cây công nghiệp khác nhau.

Câu 24: Thuận lợi về kinh tế - xã hội đối với ngành thủy sản nước ta là:

- A. bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.
- B. vùng biển có nguồn lợi hải sản khá phong phú.
- C. thị trường ngoài nước về thủy sản mở rộng.
- D. có nhiều khu vực thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.

Câu 25: Nguyên nhân chính thúc đẩy cơ cấu ngành kinh tế nước ta chuyển dịch theo hướng tích cực là

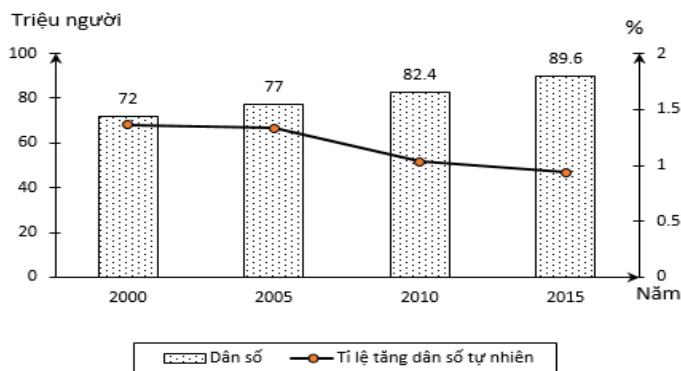
- A. xu hướng toàn cầu hóa kinh tế.
- B. quá trình đô thị hóa nhanh chóng.
- C. cuộc cách mạng công nghiệp.
- D. công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Câu 26: Điều kiện thuận lợi nhất để nước ta phát triển du lịch biển - đảo là

- A. có nhiều bãi tắm đẹp, khí hậu tốt.
- B. nguồn lợi hải sản phong phú.
- C. nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.
- D. dọc bờ biển có nhiều vũng vịnh nước sâu kín gió.

Câu 27: Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA NƯỚC TA THỜI KÌ 2000 - 2015



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không đúng** với số và tỉ lệ tăng dân số tự nhiên giai đoạn 2000-2015?

- A. Dân số tăng liên tục.
- B. Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên giảm liên tục.
- C. Số dân tăng, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên giảm.
- D. Số dân giảm, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên tăng.

Câu 28: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với vị trí địa lí nước ta?

- A. Nằm trên vành đai núi lửa Thái Bình Dương.
- B. Nằm trong khu vực kinh tế năng động của thế giới.
- C. Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- D. Nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương.

Câu 29: Nguyên nhân nào sau đây được xem là chủ yếu nhất làm cho kim ngạch xuất khẩu nước ta liên tục tăng?

- A. Mở rộng và đa dạng hóa thị trường.
- B. Tăng cường sản xuất hàng hóa.
- C. Nâng cao năng xuất lao động.
- D. Tổ chức sản xuất hợp lí.

Câu 30: Thuận lợi chủ yếu cho việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. bờ biển có nhiều vụng, đầm phá.
- B. biển có nhiều loài cá, tôm, cua, mực.

C. có ngư trường Hoàng Sa - Trường Sa. D. hoạt động chế biến hải sản phát triển mạnh.

Câu 31: Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có tác dụng

- A. điều hòa nguồn nước. B. chống lũ quét.
C. chắn gió, bão. D. hạn chế lũ lụt.

Câu 32: Quá trình đô thị hóa ở nước ta đã nảy sinh những hậu quả về các vấn đề nào sau đây?

- A. Môi trường, an ninh trật tự xã hội. B. An ninh trật tự xã hội, gia tăng dân số tự nhiên.
C. Gia tăng dân số tự nhiên, việc làm. D. Việc làm, mật độ dân số.

Câu 33: Trung du và miền núi Bắc Bộ có khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế là do

- A. có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng. B. nguồn lao động dồi dào, có nhiều kinh nghiệm.
C. có vị trí thuận lợi để giao lưu với các vùng. D. chính sách phát triển vùng của Nhà nước.

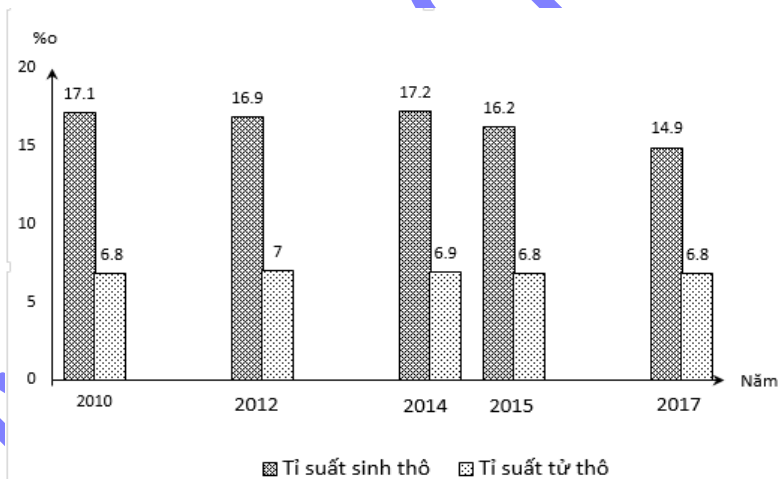
Câu 34: Biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là:

- A. nâng cao chất lượng nguồn lao động.
B. hình thành các vùng chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến.
C. thay đổi giống cây trồng có năng suất cao.
D. phát triển các mô hình kinh tế trang trại.

Câu 35: Ở vùng Đồng bằng sông Hồng, rau vụ đông được phát triển mạnh là do

- A. đất đai màu mỡ. B. khí hậu có mùa đông lạnh.
C. địa hình thích hợp. D. nguồn nước phong phú.

Câu 36: Cho bảng số liệu:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu tỉ suất sinh, tỉ suất tử nước ta giai đoạn 2010-2017
B. Tốc độ tăng trưởng tỉ suất sinh, tỉ suất tử nước ta giai đoạn 2010-2017
C. Quy mô và cơ cấu tỉ suất sinh, tỉ suất tử nước ta giai đoạn 2010-2017
D. Tình hình tỉ suất sinh, tỉ suất tử nước ta giai đoạn 2010-2017

Câu 37: Để cải tạo tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long, biện pháp quan trọng hàng đầu là

- A. thay đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng vật nuôi. B. tăng cường xây dựng các công trình thủy lợi.
C. khai hoang mở rộng diện tích. D. khai thác diện tích mặt nước.

Câu 38: Vùng nào sau đây có thủy triều lấn sâu vào đất liền ở nước ta vào mùa khô?

- A. Dải đồng bằng ven biển miền Trung. B. Bắc Trung Bộ.
 C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 39: Cho bảng số liệu sau:

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA XIN-GA-PO QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: triệu đô la Xin-ga-po)

	2010	2012	2014	2015	2016
Xuất khẩu	480 709	510 329	526 067	491 816	466 912
Nhập khẩu	426 327	474 554	478 583	423 403	403 305

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Xin-ga-po giai đoạn 2010-2016?

- A. Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu đều giảm. B. Giá trị xuất khẩu luôn lớn hơn giá trị nhập khẩu.
 C. nhập siêu liên tục. D. Xuất siêu liên tục

Câu 40: Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	1985	1995	2013
Đông Nam Á	3,4	4,9	9,0
Thế giới	4,2	6,3	12,0

(Nguồn: SGK Địa lí 11, NXB Giáo dục Việt Nam)

Để thể hiện sản lượng cao su của các nước Đông Nam Á và thế giới giai đoạn 1985 - 2013, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Đường. C. Kết hợp cột và đường. D. Tròn.

-----HẾT-----

(Thí sinh được sử dụng Atlát Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay)

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	C	D	B	C	C	C	B	B	A
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
C	B	A	B	D	B	D	B	C	B
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
B	C	B	C	D	A	D	A	A	A
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
C	A		B	B	D	B	D	C	A